TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST Ngày 19-8-2020 *V/v tranh chấp về ly hôn*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lý Văn Hòe

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 03-7-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 20-7-2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D; sinh năm 1966; địa chỉ: thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang T; sinh năm 1965; địa chỉ: thôn 2, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S, xã P, huyện B, tỉnh bình Thuận; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thị D trình bày: Bà (D) và ông T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21-11-1987 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện P, tỉnh Hà Tây (*nay là Thành phố Hà Nội*), cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc. Năm 1991, vợ chồng chuyển vào Lâm Đồng sinh sống; do ông T đã phạm tội nhiều lần; bạo lực gia đình, đánh đập bà và có quan hệ không lành mạnh nên vợ, chồng mâu thuẫn. Năm 2008, gia đình chuyển đến xã Q, huyện Đ sinh sống nhưng mâu thuẫn càng trầm trọng. Năm 2009, ông T phạm tội và phải chấp hành án 20 năm tù, nên mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu:

+ Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Có 03 người con chung là Nguyễn Quang Q, sinh năm 1988, Nguyễn Quang C sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1997, các cháu đều đã trưởng thành, không ai cần cha, mẹ cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Quang T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Hà Tây *(nay là thành phố Hà Nội)* vào tháng 11/1987; trong quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân đều do lỗi của ông T và ly thân từ năm 2005, nay bà D xin ly hôn ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Về con chung: có 03 người con chung là Nguyễn Quang Q, sinh năm 1988, Nguyễn Quang C sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm 1997, các cháu đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu cha, mẹ cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến với các nội dung:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Quang T; về con chung: Các con đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn với ông Nguyễn Quang T; bà D và ông T có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về ly hôn"*; ông T có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị D, thấy rằng:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Quang T kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 21-11-1987 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Hà Tây (*nay là Thành phố Hà Nội*), là hợp pháp và có thật. Do ông T không quan tâm, bạo lực gia đình, tính tình không hợp. Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông T đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái nên không tham gia và đồng ý ly hôn với bà D nên

cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Các con chung của bà D và ông T đều trên 18 tuổi nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

1.2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000961, ngày 30-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong; bà D đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn, (để vào sổ Hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng